

Chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã - Một số giá trị kế thừa trong Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam

Tóm tắt: Chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã đã đạt đến trình độ hoàn thiện, với các nguyên tắc và quy định chặt chẽ, logic, khoa học. Chế định này không chỉ mang giá trị lịch sử và văn hóa, mà còn có ý nghĩa pháp lý bền vững, có thể trở thành nguồn tham chiếu trong quá trình hoàn thiện chế định thừa kế trong Bộ luật Dân sự của Việt Nam. Bài viết tập trung phân tích chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã cổ đại và Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt, đồng thời, đánh giá những giá trị của Luật dân sự La Mã mà Việt Nam có thể nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện chế định thừa kế trong pháp luật dân sự.

Từ khóa: thừa kế; Luật dân sự La Mã; Bộ luật Dân sự năm 2015; di chúc; thừa kế theo pháp luật.

Abstract: The inheritance institution in Roman Civil Law reached a high level of completion, with strict, logical, and scientific principles and regulations. This system not only possesses historical and cultural value but also has lasting legal significance, potentially serving as a reference source in the process of improving the inheritance institution in the Vietnam's Civil Code. This article focuses on analyzing the inheritance institution in ancient Roman Civil Law and the 2015 Vietnamese Civil Code, highlighting similarities and differences, and evaluating the values of Roman Civil Law that Vietnam can study and adopt to improve the inheritance institution in civil law.

Keywords: Inheritance; Roman Civil Law; Civil Code of 2015; will; inheritance by law.

Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, sau gần 40 năm đổi mới, pháp luật dân sự nói chung và chế định thừa kế nói riêng có nhiều bước tiến quan trọng, trong đó có Bộ luật Dân sự năm 2015. Bộ luật Dân sự năm 2015 kế thừa và phát triển quy định của các bộ luật dân sự trước đó, đồng thời, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp quốc tế, trong đó có Luật dân sự La Mã nhằm bảo đảm sự phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong giai đoạn

phát triển mới. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chế định thừa kế trong Bộ luật Dân sự năm 2015 cần tiếp tục nghiên cứu, xem xét và hoàn thiện để bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và hiệu quả trong thực tiễn áp dụng.

1. Sơ lược về lịch sử hình thành chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã và pháp luật dân sự Việt Nam

Luật dân sự La Mã, đặc biệt, qua hệ thống pháp điển hóa dưới triều đại Hoàng đế Justinian (Corpus Juris Civilis), đặt nền móng cho các nguyên tắc pháp lý cơ bản của pháp luật dân sự hiện đại[1]. Đây là bộ luật đầu tiên thiết lập những nguyên tắc về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng và thừa kế một cách khoa học và có hệ thống.

Từ thế kỷ XI, Luật dân sự La Mã được phục hưng và giảng dạy tại nhiều trường đại học châu Âu như Bologna (Ý), Montpellier (Pháp), Oxford (Anh)[2], góp phần hình thành nền “luật học cổ điển” có ảnh hưởng sâu, rộng. Truyền thống này tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành và phát triển các bộ luật dân sự ở châu Âu, tiêu biểu là Bộ luật Dân sự năm 1804 của Pháp (Bộ luật Napoléon) và Bộ luật Dân sự năm 1900 của Đức (BGB). Những nguyên lý cơ bản của Luật dân sự La Mã, trong đó có chế định về thừa kế cũng được tiếp thu, kế thừa và phát triển trong các hệ thống dân luật tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc[3]. Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam kế thừa và phát triển sáng tạo nhiều nguyên tắc cốt lõi từ chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã.

Thừa kế là chế định pháp luật dân sự điều chỉnh việc chuyển giao tài sản cùng các quyền và nghĩa vụ về tài sản của người đã chết cho những người còn sống căn cứ theo ý chí của người để lại di sản hoặc theo quy định của pháp luật. Về bản chất, thừa kế là sự chuyển dịch quyền sở hữu tài sản từ chủ thể này sang chủ thể khác, đặc biệt, sự chuyển dịch này diễn ra khi chủ sở hữu ban đầu đã chấm dứt tồn tại về mặt pháp lý (đã chết) và người nhận di sản là những cá nhân hoặc tổ chức được pháp luật quy định hoặc được người để lại di sản chỉ định.

Chế định thừa kế thể hiện nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu, bảo đảm quyền định đoạt của cá nhân đối với tài sản được tôn trọng ngay cả sau khi chết; đồng thời, góp phần ngăn ngừa tình trạng tài sản vô chủ, hạn chế tranh chấp và duy trì sự ổn định, liên tục trong việc nắm giữ và khai thác giá trị kinh tế của tài sản qua nhiều thế hệ.

2. Chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã và mối tương quan so sánh với chế định thừa kế trong Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam[4]

Với tính kế thừa lịch sử sâu sắc, chế định thừa kế được ghi nhận và phát triển trong hầu hết các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới. Việc đặt trong mối tương quan so sánh giữa Luật dân sự La Mã và Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam cho phép nhận diện rõ ảnh hưởng về tư tưởng lập pháp và khác biệt kỹ thuật lập pháp, qua đó, rút ra các giá trị tham chiếu phục vụ quá trình hoàn thiện chế định thừa kế ở Việt Nam. Từ quyền tự do lập di chúc, cơ chế hàng thừa kế có hệ thống, quyền từ chối di sản, thừa kế thế vị, đến giới hạn trách nhiệm về nghĩa vụ tài chính, đều phản ánh sự tiếp nối của di sản pháp lý. Sự kế thừa này không chỉ là sự sao chép đơn thuần, mà là sự điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh xã hội và tư tưởng pháp lý của Việt Nam, qua đó, tạo nên chế định thừa kế tiến bộ, công bằng và mang tính nhân văn sâu sắc.

2.1. Các nguyên tắc cơ bản trong chế định thừa kế

Các nguyên tắc về quyền thừa kế là nội dung quan trọng được phản ánh trong Hiến pháp năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Hiến pháp năm 2013) và Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm nguyên tắc chung và các nguyên tắc riêng trong phần thừa kế của Bộ luật Dân sự. Tương tự, pháp luật La Mã cũng thiết lập các nguyên tắc thừa kế rõ ràng, cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa sự phát triển kinh tế - xã hội và pháp luật. Nghiên cứu cho thấy, pháp luật thừa kế La Mã và Việt Nam có những điểm tương đồng và khác biệt sau:

Thứ nhất, những điểm tương đồng thể hiện qua các nguyên tắc cơ bản sau:

- Nguyên tắc pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản của cá nhân. Hai hệ thống pháp luật đều thừa nhận và bảo đảm quyền thừa kế tài sản của cá nhân. Trong pháp luật La Mã, quyền này được ghi nhận từ những quy định ban đầu và được bảo đảm thực thi, miễn không vi phạm các quy định pháp luật tại thời điểm đó. Tương tự, tại Việt Nam, Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2015 khẳng định quyền thừa kế của cá nhân. Nguyên tắc này thừa nhận chỉ cá nhân có quyền để lại di sản thừa kế; pháp luật bảo đảm quyền định đoạt của cá nhân đối với tài sản sau khi cá nhân đó chết thông qua việc lập di chúc. Trong trường hợp cá nhân không để lại di chúc thì tài sản của họ sẽ được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế. Nguyên tắc này bảo đảm quyền của người thừa kế được nhận di sản hợp pháp và chuyển giao quyền sở hữu đối với di sản đó.

- Nguyên tắc tôn trọng quyền định đoạt của người có tài sản. Cả pháp luật La Mã và Bộ luật Dân sự năm 2015 đều đề cao quyền tự định đoạt tài sản của chủ sở hữu.

Luật dân sự La Mã là một trong những hệ thống pháp luật đầu tiên thừa nhận quyền tự do định đoạt di sản thông qua di chúc, đặt ý chí cá nhân ở vị trí trung tâm trong quan hệ thừa kế[5]. Ý chí của người để lại di sản có giá trị pháp lý tối thượng, trừ khi

mâu thuẫn với trật tự công cộng (ordre public). Điều này phản ánh bước chuyển trong tư duy pháp lý, từ quan hệ huyết thống truyền thống sang việc tôn trọng cá nhân và tài sản riêng tư.

Nguyên tắc này được hầu hết các bộ luật dân sự hiện đại công nhận, trong đó có Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam. Cụ thể, Điều 609 quy định quyền thừa kế của cá nhân, nhấn mạnh quyền lập di chúc để định đoạt tài sản; Điều 624 khẳng định di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân; Điều 625 đề cập đến các trường hợp di chúc hợp pháp. Tuy nhiên, giống như nhiều hệ thống pháp luật hiện đại, pháp luật Việt Nam không cho phép quyền tự do định đoạt này là tuyệt đối. Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Điều này thể hiện sự cân bằng giữa quyền cá nhân và trách nhiệm xã hội, bảo đảm quyền lợi tối thiểu cho những người thân thuộc, điều mà Luật dân sự La Mã cổ đại có thể chưa đề cao.

Thứ hai, những điểm khác biệt thể hiện trên một số nguyên tắc cơ bản, phản ánh sự khác biệt về bối cảnh xã hội và tư tưởng lập pháp.

- Nguyên tắc bất bình đẳng trong quyền thừa kế. Điều 3 và Điều 610 Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam, quy định mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại và hưởng di sản. Nam giới và nữ giới, vợ và chồng, con đẻ và con nuôi đều có quyền thừa kế như nhau. Ngược lại, pháp luật La Mã thể hiện sự bất bình đẳng sâu sắc, đặc biệt, đối với phụ nữ. Vị thế của phụ nữ rất thấp, phụ thuộc vào gia chủ và họ không được hưởng quyền thừa kế bình đẳng với nam giới. Quyền để lại di sản cho con trai và con gái có sự khác biệt: có thể tước quyền thừa kế của con gái mà không cần lý do, trong khi với con trai thì phải có lý do chính đáng.

- Nguyên tắc “thừa kế toàn bộ” trong pháp luật La Mã. Trong giai đoạn sơ khai, pháp luật La Mã quy định sự kế thừa di sản phải thống nhất theo cơ chế duy nhất: hoặc theo di chúc (testamentum) hoặc theo pháp luật (ab intestato). Pháp luật La Mã không chấp nhận mô hình “kết hợp”, nghĩa là không tồn tại tình trạng một phần di sản được phân chia theo di chúc, phần còn lại theo pháp luật. Nếu một bản di chúc chỉ điều chỉnh một phần tài sản thì toàn bộ di chúc đó bị coi là vô hiệu (testamentum nullius momenti est), ngoại trừ trường hợp đặc biệt áp dụng cho binh sĩ trong thời chiến (testamentum militis). Cơ chế này xuất phát từ quan niệm La Mã coi người thừa kế như “người nối tiếp nhân cách pháp lý” của người chết. Do đó, tính toàn vẹn và đồng bộ trong việc dịch chuyển di sản là điều kiện tất yếu để bảo đảm sự ổn định trong quan hệ dân sự. Tuy nhiên, trong sự phát triển hiện đại, pháp luật các quốc gia theo truyền thống dân luật (Civil law), trong đó có Việt Nam, đã tiếp cận vấn đề này linh hoạt và thực tiễn hơn. Cụ thể, theo điểm a khoản 2 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm

2015, phần di sản không được định đoạt trong di chúc sẽ được chia theo pháp luật, giúp bảo đảm quyền lợi của người thừa kế đầy đủ. Đây là điểm khác biệt lớn giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật La Mã. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tôn trọng ý chí của người để lại di sản, vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của những người thừa kế theo hàng thừa kế pháp luật, nhất là trong trường hợp người lập di chúc không bao quát toàn bộ tài sản hoặc cố tình để lại một phần chưa phân định.

Điểm khác biệt này cho thấy, nếu pháp luật La Mã đề cao tính toàn vẹn và thống nhất của cơ chế thừa kế, thì pháp luật Việt Nam nhấn mạnh sự cân bằng lợi ích, bảo vệ quyền thừa kế của các chủ thể liên quan. Sự khác biệt này phản ánh bối cảnh xã hội, lịch sử riêng: trong khi La Mã cổ đại đề cao tính tuyệt đối của quyền gia trưởng (*patria potestas*) và sự kế thừa toàn bộ vị trí pháp lý, thì pháp luật Việt Nam chú trọng đến nguyên tắc công bằng, nhân đạo và bảo vệ quyền con người, phù hợp với định hướng của Hiến pháp năm 2013 và trật tự pháp luật hiện đại.

Thứ ba, nguyên tắc kế thừa tài sản và nghĩa vụ. Pháp luật La Mã sơ khai buộc người thừa kế phải gánh vác nghĩa vụ và khoản nợ của người chết, kể cả khi giá trị nghĩa vụ vượt quá giá trị di sản (nếu người thừa kế dưới quyền gia chủ của người để lại di sản). Sau này, Hoàng đế Justinian cải cách, giới hạn trách nhiệm của người thừa kế trong phạm vi giá trị di sản. Pháp luật Việt Nam tham khảo và áp dụng nguyên tắc tiên bộ này, quy định việc trả nợ chỉ giới hạn trong phạm vi di sản người chết để lại[6] và nếu số di sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ thì nghĩa vụ trả nợ sẽ chấm dứt, người thừa kế không có nghĩa vụ dùng tài sản cá nhân để trả nợ thay.

2.2. Thừa kế theo di chúc

Chế định thừa kế theo di chúc trong pháp luật La Mã và pháp luật dân sự Việt Nam có những điểm tương đồng và khác biệt, được thể hiện qua các yếu tố cơ bản như: hình thức di chúc, điều kiện đối với người lập di chúc, quy định về người thừa kế, chế định di tặng, cơ chế bổ sung, thay thế và hủy bỏ di chúc.

Thứ nhất, về người lập di chúc.

Pháp luật Việt Nam công nhận hai hình thức di chúc là di chúc bằng văn bản và di chúc miệng. Trong khi đó, pháp luật La Mã sơ khai có nhiều hình thức di chúc đa dạng hơn, gồm các loại di chúc công như di chúc được lập trước đại hội công dân, di chúc quân sự, di chúc giao tài sản qua trung gian. Dù hình thức di chúc bằng văn bản và di chúc miệng trong pháp luật Việt Nam có nhiều điểm tương đồng nhất với quy định của La Mã, nhưng pháp luật La Mã chú trọng nhiều hơn đến vai trò của những người làm chứng đối với nội dung di chúc, thay vì tập trung quy định chi tiết về hình thức di chúc như pháp luật Việt Nam.

Về điều kiện chủ thể, pháp luật La Mã quy định người lập di chúc phải có tư cách công dân, có năng lực pháp luật và ý chí tự nguyện. Về sau, quyền lập di chúc được mở rộng cho những cư dân có quyền kinh doanh thương mại và phụ nữ chỉ có quyền này từ thời Hoàng đế Justinian. Nhìn chung, chỉ những ai sở hữu tài sản mới có quyền lập di chúc; nô lệ hoặc người không có tài sản không có quyền này.

Trong khi đó, pháp luật Việt Nam quy định chi tiết năng lực lập di chúc[7], nhấn mạnh người lập di chúc phải “minh mẫn, sáng suốt”, không bị “lừa dối, đe dọa, cưỡng ép”. Ngoài ra, pháp luật Việt Nam mở rộng quyền lập di chúc cho người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ. Dù khác biệt về phạm vi áp dụng nhưng hai hệ thống đều coi trọng nguyên tắc tự nguyện và năng lực nhận thức đầy đủ của người lập di chúc nhằm bảo đảm công bằng và bảo vệ quyền sở hữu tài sản.

Thứ hai, về người thừa kế theo di chúc.

Pháp luật La Mã quy định ba hình thức chỉ định người thừa kế: chỉ định một người thừa kế duy nhất (heres ex asse), chỉ định nhiều người thừa kế (heredes ex parte) và chỉ định người thừa kế thay thế (substitutio). Pháp luật La Mã cho phép người cha tước quyền thừa kế của con. Theo đó, Luật La Mã cho phép người cha (chủ hộ) có quyền loại trừ con cái khỏi di sản bằng cách ghi rõ trong di chúc. Ngược lại, Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam thiết lập cơ chế bảo vệ nhóm đối tượng đặc biệt, gồm: con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng và con đã thành niên nhưng mất khả năng lao động. Nhóm này được hưởng một phần di sản bắt buộc, không phụ thuộc vào nội dung di chúc, dù bị truất quyền thừa kế hoặc không được chỉ định trong di chúc, vẫn được hưởng phần di sản bắt buộc bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật. Như vậy, khác với pháp luật La Mã, Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam “hạn chế quyền định đoạt tuyệt đối của người lập di chúc”, nhằm bảo vệ quyền lợi thiết yếu của những người thân thuộc, gần gũi, thể hiện tinh thần nhân đạo và nguyên tắc công bằng xã hội.

Quy định này phản ánh sự khác biệt về quan điểm lập pháp, từ bảo vệ tuyệt đối quyền định đoạt tài sản của cá nhân (pháp luật La Mã) sang cân bằng giữa quyền định đoạt và trách nhiệm đối với người thân trong gia đình (pháp luật Việt Nam).

Thứ ba, về di tặng.

Điều 646 Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam quy định, di tặng là việc người lập di chúc dành một phần di sản để tặng cho người khác và việc này phải được ghi rõ trong di chúc. Pháp luật La Mã quy định tương tự, di tặng là việc chuyển giao một hoặc nhiều tài sản cụ thể cho một người hoặc nhiều người. Ban đầu, quy định di tặng

phải ghi trực tiếp trong di chúc, sau đó, pháp luật La Mã cho phép có thể được ghi nhận trong một văn bản riêng biệt.

Thứ tư, về việc bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc.

Điều 640 Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam cho phép người lập di chúc có toàn quyền bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ di chúc đã lập bất cứ lúc nào. Nội dung này trong pháp luật La Mã thay đổi qua các thời kỳ, theo đó, pháp luật La Mã cổ đại không cho phép hủy bỏ di chúc lập trước đại hội công dân do tính công khai và ràng buộc cao. Tuy nhiên, đến thời kỳ cổ điển, quy định trở nên linh hoạt hơn, cho phép hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần di chúc thông qua việc lập di chúc mới hoặc tiêu hủy văn bản cũ.

Nhìn chung, hai hệ thống pháp luật của Việt Nam và La Mã đều thống nhất nguyên tắc di chúc chỉ có giá trị pháp lý khi đáp ứng đầy đủ điều kiện về hình thức và nội dung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, sự khác biệt về phạm vi quyền tự định đoạt, cơ chế bảo vệ người thừa kế, cũng như yêu cầu về hình thức cho thấy mỗi hệ thống phản ánh nền tảng xã hội, pháp lý khác nhau.

2.3. Thừa kế theo pháp luật

Chế định thừa kế theo pháp luật trong pháp luật La Mã và pháp luật Việt Nam đều đóng vai trò quan trọng, đặc biệt, khi người chết không để lại di chúc hoặc người thừa kế theo di chúc không thể nhận di sản. Mặc dù, có những điểm tương đồng, sự phát triển của chế định này qua các thời kỳ ở La Mã và pháp luật Việt Nam hiện hành cho thấy nhiều điểm khác biệt.

Thứ nhất, thừa kế theo pháp luật trong pháp luật La Mã.

Tại La Mã, thừa kế theo di chúc luôn được ưu tiên hơn thừa kế theo pháp luật. Luật La Mã quy định rất chi tiết về trật tự thừa kế khi không có di chúc, dựa trên quan hệ huyết thống và nguyên tắc gần huyết thống[8], tức là người có quan hệ huyết thống gần nhất với người chết sẽ được ưu tiên thừa kế trước. Tuy nhiên, chế định thừa kế theo pháp luật đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, với những thay đổi đáng kể về thứ tự ưu tiên các hàng thừa kế[9].

Thời kỳ cổ điển[10]: pháp luật ưu tiên những người được gọi là “người thừa kế phía mình” (heredes sui), gồm những người thân thuộc sống chung trong gia đình và không có quyền từ chối nhận di sản, gồm con cái (trừ con đã được giải thoát hoặc con gái kết hôn theo chế độ “cum manu”[11]), vợ kết hôn theo chế độ “cum manu” và các cháu nội trực hệ (nếu cha của họ đã mất). Khi không có những người này,

quyền thừa kế được chuyển cho người thân thuộc bên nội, cuối cùng là người cùng họ (gentiles), những người này có quyền từ chối di sản. Nếu không có ai nhận, di sản sẽ thuộc về Nhà nước.

Thời kỳ cải cách[12]: các pháp quan La Mã có những thay đổi tiến bộ, mở rộng quyền thừa kế cho tất cả con cái (liberi), không phân biệt họ có sống chung hay đã ra ở riêng. Thứ tự thừa kế được thay đổi: con cái được ưu tiên hàng đầu, tiếp đến là họ hàng (đến hàng thứ bảy), cuối cùng là vợ hoặc chồng.

Thời kỳ Justinian[13]: đây là thời kỳ pháp luật thừa kế La Mã đạt được sự tiến bộ và có nhiều điểm tương đồng nhất với pháp luật hiện đại. Các hàng thừa kế được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên:

- Hàng thứ nhất: con (không phân biệt sống chung hay ra ở riêng).
- Hàng thứ hai: cha, mẹ, ông bà và anh, chị, em ruột.
- Hàng thứ ba: Anh, chị, em cùng cha hoặc cùng mẹ.
- Hàng thứ tư: những người thân thuộc khác, như cháu ruột. Đây được gọi là người thừa kế thế vị. Một trong những nguyên tắc tiến bộ và nhân đạo nhất của pháp luật La Mã là thừa kế thế vị (successio in locum)[14]. Theo nguyên tắc này, khi người thừa kế trực hệ (như con trai) chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản, thì con cái của người thừa kế đó (tức là cháu nội của người chết) sẽ được hưởng phần di sản mà cha mình đáng lẽ được nhận. Cơ chế này nhằm bảo đảm quyền lợi của con cháu không bị mất đi chỉ vì sự qua đời sớm của người thừa kế ở hàng gần hơn.

Trong trường hợp không có người thân thuộc, di sản sẽ thuộc về vợ hoặc chồng, cuối cùng là cơ quan thuế.

Thứ hai, thừa kế theo pháp luật trong Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam.

Pháp luật dân sự Việt Nam quy định thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng, điều kiện và trình tự do pháp luật quy định. Tương tự như pháp luật La Mã thời Justinian, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 chia thành ba hàng thừa kế theo thứ tự ưu tiên. Đây là sự kế thừa rõ rệt từ hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, vốn lấy “cảm hứng” trực tiếp từ Luật La Mã. Cụ thể:

- Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

- Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột mà người chết là ông bà.

- Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột mà người chết là bác, chú, cậu, cô, dì; chất ruột mà người chết là cụ.

Pháp luật Việt Nam quy định cụ thể về thừa kế thế vị tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho phép cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu đáng lẽ được hưởng nếu còn sống. Sau khi hoàn tất các nghĩa vụ tài chính, nếu không có người thừa kế hợp pháp, toàn bộ di sản còn lại sẽ thuộc về Nhà nước. Điều này không chỉ thể hiện sự tham khảo, tiếp thu có chọn lọc, mà còn là minh chứng cho việc pháp luật Việt Nam luôn hướng đến sự công bằng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các thế hệ sau.

Thứ ba, về từ chối nhận di sản. Luật dân sự La Mã cho phép người thừa kế từ chối nhận di sản nếu là gánh nặng (ví dụ, di sản có nhiều nợ hơn tài sản). Cơ chế này bảo vệ người thừa kế không phải chịu trách nhiệm vượt quá giá trị của di sản. Đây là nguyên tắc pháp lý mang tính nhân đạo, bảo vệ tài sản riêng của cá nhân.

Tương tự, Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam cũng quy định quyền từ chối nhận di sản. Theo đó, Điều 620 đã kế thừa nguyên tắc này, cho phép người thừa kế có quyền từ chối di sản trong khoảng thời gian nhất định, trừ khi việc từ chối đó nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài chính. Đây là cơ chế cần thiết để bảo đảm sự công bằng, tránh những rủi ro pháp lý cho người thừa kế.

Nhìn chung, chế định thừa kế theo pháp luật của Việt Nam kế thừa và phát triển những nguyên tắc tiên bộ từ pháp luật La Mã, đặc biệt là các cải cách của Justinian. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam có những quy định chi tiết, cụ thể, phù hợp với bối cảnh xã hội và pháp lý hiện đại, bảo đảm tính công bằng và rõ ràng trong phân chia di sản.

Sự kế thừa các giá trị từ chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã vào Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam thể hiện rõ không chỉ ở kỹ thuật lập pháp, mà còn ở tầm tư tưởng pháp lý. Các nguyên lý như quyền tự do định đoạt, trật tự thừa kế theo huyết thống, thừa kế thế vị và quyền từ chối di sản đã được kế thừa linh hoạt và phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội Việt Nam. Qua đó, chế định thừa kế trong pháp luật hiện hành không chỉ tiếp nối những giá trị lịch sử của nền luật học phương Tây, mà còn phản ánh xu hướng hiện đại và nhân đạo trong xây dựng pháp luật dân sự quốc gia.

Kết luận

Chế định thừa kế là một trong những thiết chế pháp lý dân sự xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Trong bất kỳ hệ thống pháp luật quốc gia nào, vấn đề thừa kế luôn đóng vai trò then chốt, phản ánh những đặc trưng cơ bản về cơ cấu kinh tế và quan hệ xã hội của chế độ đó. Trải qua các giai đoạn lịch sử, pháp luật về thừa kế đã không ngừng được điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu với từng bối cảnh kinh tế - xã hội. Quá trình hình thành và hoàn thiện pháp luật thừa kế ở mỗi quốc gia không tồn tại như một tiến trình biệt lập, mà là sự kế thừa, phát triển từ các quy phạm pháp luật đã có trước đó. Trong tiến trình này, việc nghiên cứu, tham khảo và tiếp thu có chọn lọc từ các hệ thống pháp luật đi trước, tiêu biểu là pháp luật La Mã cổ đại góp phần quan trọng vào việc kiến tạo nên chế định thừa kế hiện đại, bảo đảm tính công bằng, tiến bộ và phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Không thể phủ nhận, chế định thừa kế trong Luật dân sự La Mã đóng vai trò như “cái nôi học thuật”, không chỉ ở phương diện nội dung, mà còn ở phương pháp tư duy pháp lý và kỹ thuật lập pháp. Với bề dày lịch sử, Luật dân sự La Mã đã vượt ra ngoài ranh giới của hệ thống pháp luật cổ đại, trở thành nền tảng lý luận quan trọng cho nhiều bộ luật dân sự hiện đại. Những nguyên tắc được định hình từ thời kỳ Cộng hòa và Đế chế La Mã, như quyền tự do định đoạt tài sản, trật tự thừa kế theo huyết thống hay cơ chế bảo vệ người thừa kế yếu thế... vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn cho đến nay. Đối với Việt Nam, những giá trị lịch sử này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh hệ thống pháp luật đang từng bước hoàn thiện theo hướng hiện đại, hội nhập phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đồng thời, bảo đảm giữ gìn bản sắc pháp lý dân tộc. Việc “nhìn lại” và tiếp thu có chọn lọc các nguyên tắc tiên bộ từ Luật dân sự La Mã không chỉ mang giá trị học thuật, mà còn gợi mở những định hướng thực tiễn quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật, bảo vệ tài sản hợp pháp của công dân và tăng cường công bằng xã hội, những yếu tố cốt lõi để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

ThS. Hoàng Thị Kim Nhung

Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp.

ThS. Hoàng Diệu My

Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp

* Bài viết là kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2025 của Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp): “Chế định hôn nhân và gia đình, thừa kế trong Luật dân sự La Mã - Giá trị lịch sử và đương đại”.

- [1]. Peter Stein (1999), *Roman Law in European History*, Cambridge University Press.
- [2]. J. W. Cairns (1997), *The Influence of the Roman Law on Western Legal Traditions*, in: P. Stein (ed.), *The Character and Influence of the Roman Civil Law*, The Hambledon Press, pp. 35 - 48.
- [3]. John Henry Merryman & Rogelio Pérez-Perdomo (2007), *The Civil Law Tradition*, 3rd ed., Stanford University Press.
- [4]. TS. Nguyễn Ngọc Điện (2009), Trường Đại học Cần Thơ, *Giáo trình Luật La Mã*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Nguyễn Văn Nam (2006), *Luật La Mã trong sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 03/2006, tr. 76 - 80; *A manual of the principles of Roman Law relating to persons, property, and obligations* (Cẩm nang về các nguyên tắc của Luật La Mã liên quan đến người, tài sản và nghĩa vụ), R.D. Melville, <https://archive.org/details/manualofprincip100melvuoft/page/xiv/mode/2up>), truy cập ngày 15/11/2025; Ngô Thị Thu Hằng (2016), *So sánh chế định thừa kế trong pháp luật La Mã và pháp luật Việt Nam hiện hành*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- [5]. Reinhard Zimmermann (1996), *The Law of Obligations: Roman Foundations of the Civilian Tradition*, Oxford University Press, pp. 27 - 30.
- [6]. Khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- [7]. Điều 630 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- [8]. Peter Stein (1999), *sđđ*.
- [9]. P. G. Stein (1999), *Roman Law in European History*, Cambridge University Press, pp. 10 - 12.
- [10]. Gaius, *Institutes*, 3.1-17.
- [11]. Trong hôn nhân cum manu: người vợ trở thành thành viên của gia đình người chồng, phá vỡ những ràng buộc trước đó (với gia đình cũ, thường là gia đình cha mẹ mình). Đây là hình thái hôn nhân duy nhất, trong đó, thủ tục nghi lễ được coi như một điều kiện tiên quyết. Thông qua các thủ tục lễ nghi, người phụ nữ bước vào gia đình của người chồng, bị đặt dưới quyền của người chồng. Trước khi người chồng có địa vị của một người gia chủ, thì người vợ (và cả người con) bị đặt dưới quyền

kiểm soát của cha chồng. Khi người chồng có địa vị gia chủ, người vợ có địa vị pháp lý như con gái của mình và được coi như thuộc về gia đình nhà chồng.

[12]. Barry Nicholas (1962), *An Introduction to Roman Law*, Clarendon Press, pp. 256 - 258.

[13]. Peter Stein (1999), *sđđ*, pp. 32 - 35.

[14]. Reinhard Zimmermann (1996), *sđđ*, pp. 36 - 38.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Điện (2009), Trường Đại học Cần Thơ, *Giáo trình Luật La Mã*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Nam (2006), *Luật La Mã trong sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 03/2006.

3. Ngô Thị Thu Hằng (2016), *So sánh chế định thừa kế trong pháp luật La Mã và pháp luật Việt Nam hiện hành*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

4. *A manual of the principles of Roman Law relating to persons, property, and obligations* (Cẩm nang về các nguyên tắc của Luật La Mã liên quan đến người, tài sản và nghĩa vụ), R.D. Melville, <https://archive.org/details/manualofprincip100melvuoft/page/xiv/mode/2up>, truy cập ngày 15/11/2025.

5. Barry Nicholas (1962), *An Introduction to Roman Law*, Clarendon Press.

6. Gaius, *Institutes*, 3.1-17.

7. J. W. Cairns (1997), *The Influence of the Roman Law on Western Legal Traditions*, in: P. Stein (ed.), *The Character and Influence of the Roman Civil Law*, The Hambledon Press.

8. John Henry Merryman & Rogelio Pérez-Perdomo (2007), *The Civil Law Tradition*, 3rd ed., Stanford University Press.

9. P. G. Stein (1999), *Roman Law in European History*, Cambridge University Press.

10. Peter Stein (1999), *Roman Law in European History*, Cambridge University Press.

11. Reinhard Zimmermann (1996), *The Law of Obligations: Roman Foundations of the Civilian Tradition*, Oxford University Press.

(Nguồn: Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số Kỳ 2 (443) tháng 12/2025)

Tác giả: